zhǎng quán

掌权

verb phrase · to hold power

Example Sentences

Tā zhǎng quán hòu zuò le hěn duō gǎi gé
他 掌 权 后 做了很多改革。

He made many reforms after coming to power.

Zhè ge jiā zú yǐ jīng zhǎng quán sān dài le
这个家族已经 掌 权 三代了。

This family has held power for three generations.

Trace each character, then write the word on your own.

掌 掌 掌 掌 掌 掌 掌 掌 掌 掌 掌

掌 掌 掌 掌

权 权 权 权 权 权 权 权 权